TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **49**/2024/KDTM-ST
Ngày: 29/11/2024
V/v:"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Loan Trần Hải Yến

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Công Danh

2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quang Minh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên toà: Bà Phan Thị Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2023/TLST-KDTM ngày 21 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2024/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 260/2024/QĐST-KDTM ngày 01/11/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Công ty cổ phần Đ**.

Địa chỉ: A, khu phố A, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân Q - Chức vụ Tổng giám đốc.

Ông Nguyễn Xuân Q ủy quyền cho bà Nguyễn Thị T - Chuyên viên pháp chế.

Địa chỉ: Số C, Khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Theo giấy ủy quyền ngày 08/7/2024)

2. Bị đơn: **Công ty trách nhiệm hữu hạn X**.

Địa chỉ trụ sở: số G, tổ A, khu phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Văn T1.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/8/2023 và 05/10/2023, tại các bản tự khai đại diện theo ủy quyền nguyên đơn trình bày:

Ngày 01 tháng 3 năm 2019, Công ty cổ phần Đ (viết tắt là Công ty Đ) có ký hợp đồng mua bán xăng dầu số 01/HĐMB/2019 đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn X (viết tắt là Công ty X). Theo nội dung hợp đồng thì Công ty Đ cung cấp dầu DO 0.05% cho công ty X, số lượng căn cứ theo đơn đặt hàng của bên công ty X và giá tiền được áp dụng là giá thay đổi theo tình hình thị trường và số lượng hàng hóa mà Công ty X tiêu thụ. Giá sản phẩm đã bao gồm 10% thuế VAT và chi phí xăng dầu theo quy định. Công ty Đ đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng vào các lần Công ty X mua dầu để thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty Đ đã cung cấp cho Công ty X tổng số lượng xăng dầu là 109.905 lít dầu tương đương với số tiền 1.672.759.110 đồng.

Ngày 22/9/2022, hai công ty đã ký biên bản đối chiếu công nợ thì công ty X còn nợ công ty Đ là 512.531.910 đồng nên công ty Đ khởi kiện yêu cầu công ty X thanh toán số tiền 512.531.910 đồng.

Sau khi công ty Đ khởi kiện công ty X có tiếp tục thanh toán cho Công ty Đ số tiền 112.531.910 đồng và công ty X còn nợ lại công ty Đ số tiền 400.000.000 đồng.

Nay công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa giải quyết buộc công ty X có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Đ số tiền mua xăng dầu còn nợ là 400.000.000 đồng.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Bị đơn đã được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hợp đồng mua bán hàng hóa, biên bản đối chiếu công nợ, hóa đơn giá trị gia tăng, lời khai của Công ty Đ, Công ty Đ yêu cầu Công ty TNHH X thanh toán số tiền mua hàng còn nợ 400.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 24, Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Đ.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Công ty trách nhiệm hữu hạn X có địa chỉ trụ sở tại số G, tổ A, khu phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ Điều 30, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn Công ty cổ phần Đ – bà Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt; Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập; Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật cho bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn X nhưng bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn X vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật: Công ty cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn X thanh toán tiền còn nợ đối với Hợp đồng mua bán xăng dầu số 01/HĐMB/2019 ngày 01/3/2019, nên được xác định là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xét thấy:

[4.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn X phải thanh toán cho Công ty cổ phần Đ số tiền mua hàng còn nợ là 400.000.000 đồng.

Quá trình Tòa thụ lý giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt cho thấy bị đơn đã từ bỏ quyền tự chứng minh và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nên Hội đồng xét xử chỉ căn cứ trên chứng cứ của nguyên đơn cung cấp để giải quyết.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì giữa Công ty cổ phần Đ và Công ty trách nhiệm hữu hạn X có ký hợp đồng mua bán xăng dầu số 01/HĐMB/2019 vào ngày 01/03/2019 là đúng. Theo nội dung hợp đồng thì Công ty Đ cung cấp dầu DO 0.05% cho công ty X, số lượng căn cứ theo đơn đặt hàng của bên công ty X và giá tiền được áp dụng là giá thay đổi theo tình hình thị trường và số lượng hàng hóa mà Công ty X tiêu thụ. Giá sản phẩm đã bao gồm 10% thuế VAT và chi phí xăng dầu theo quy định. Công ty Đ đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng vào các lần Công ty X mua dầu để thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký kết, tuy nhiên quá trình thanh toán tiền hàng thì Công ty X đã không thực hiện đúng như cam kết, theo bảng đối chiếu công nợ ngày 22/9/2022 giữa Công ty cổ phần Đ với Công ty trách nhiệm hữu hạn X thì Công ty trách nhiệm hữu hạn X còn nợ Công ty cổ phần Đ số tiền 512.531.910 đồng. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án thì Công ty trách nhiệm hữu hạn X có thanh toán cho

Công ty cổ phần Đ số tiền 112.531.910 đồng và còn nợ lại số tiền 400.000.000 đồng. Do đó việc Công ty cổ phần Đ khởi kiện Công ty trách nhiệm hữu hạn X thanh toán số tiền còn nợ là 400.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Do đó buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn X có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần Đ số tiền còn nợ là 400.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Công ty trách nhiệm hữu hạn X phải chịu 20.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty cổ phần Đ số tiền 12.250.638 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

[6] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24, Điều 50, Điều 55 và Điều 306 Luật thương mại năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Đ đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn X về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn X có có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần Đ số tiền còn nợ là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian chậm trả quy định tại Điều 306 Luật thương mại.

Về án phí: Công ty trách nhiệm hữu hạn X phải chịu 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty cổ phần Đ số tiền 12.250.638 đồng (Mười hai triệu hai trăm năm mươi nghìn sáu trăm ba mươi tám đồng) theo biên lai thu tiền số 0009705 ngày 17/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Loan Trần Hải Yến